

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 3 - 2025

“V/v Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Công Quốc**

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**

- Ông **Trần Văn Sơn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Bích Hậu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Trịnh Ngọc Thùy Trang** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 76/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Hồng N**, sinh năm 1988; Trú tại: 74/36/12 P, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Đoàn Văn C**, sinh 1988; Trú tại: Tổ H, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2024 quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Trần Thị Hồng N trình bày:* Bà và ông Đoàn Văn C kết hôn với nhau từ năm 2013 đến năm 2014 thì làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ bà ở tổ B, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông C chỉ lo thú vui của bản thân mà không quan tâm đến vợ con. Thời gian sau đó ông C đi làm ăn xa, những năm gần đây vợ chồng chỉ sống vì con cái, cuộc sống hôn nhân thực tế không tồn tại. Hiện nay bà cùng các con sinh sống tại nhà cha mẹ ruột ở địa chỉ 7 P, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, còn ông C đi công tác thường xuyên, không sinh sống cùng vợ con đồng thời cũng không có thông tin cư trú tại địa chỉ này.

Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đoàn Văn C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đoàn Bảo T1, sinh ngày 15/02/2018 và Đoàn Văn Thiên P, sinh ngày 14/02/2015. Ly hôn bà N đề nghị trực tiếp nuôi cả hai con chung. Yêu cầu ông Đoàn Văn C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000đ/02 con (5.000.000đ/cháu/tháng).

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đoàn Văn C đồng thời đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để động viên vợ chồng về chung sống với nhau nhưng ông C không tham gia và cũng không có ý kiến phản hồi về vụ án.

* Biên bản xác minh ngày 19/02/2025 tại tổ dân phố số H, phường K, quận N thể hiện: Ông Đoàn Văn C có đăng ký tạm trú tại địa phương, tuy nhiên về tình trạng quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng địa phương không nắm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các bước thủ tục tố tụng. Bị đơn Đoàn Văn C đã được thông báo về vụ án, tổng đạt hợp lệ các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng không đến Tòa án, không có văn bản trình bày. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Hồng N và ông Đoàn Văn C đã đến mức trầm trọng, sau khi được thông báo về vụ án, ông C không liên hệ với Tòa án để phản hồi hay trình bày mong muốn được đoàn tụ gia đình mà bỏ mặc. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã hòa giải, động viên nhưng bà N vẫn kiên quyết ly hôn, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng N, cho bà được ly hôn với ông Đoàn Văn C và giao các con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc ông Đoàn Văn C phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000đ (5.000.000đ/cháu/tháng) cho đến khi từng con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn đều xác định không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu, yêu cầu của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về các vấn đề của vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Đoàn Văn C cư trú tại tổ H, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố

tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, gửi đầy đủ các văn bản tố tụng cho các bên đương sự, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án và không có ý kiến phản hồi. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Hồng N và ông Đoàn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo bà N xác định nguyên nhân là do bất đồng quan điểm từ nhiều năm nay, hiện không còn tình cảm với nhau. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã gửi văn bản thông báo, mời lên hòa giải và triệu tập tham gia các phiên tòa nhưng ông Đoàn Văn C đều không tham gia, điều này thể hiện ông không còn thiện chí muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Kết quả xác minh tại địa phương không xác định được tình trạng mâu thuẫn, tuy nhiên với cá nhân bà N, Tòa án đã nhiều lần động viên hòa giải để vợ chồng về chung sống, cùng nuôi dạy con cái nhưng bà N đều không đồng ý. Điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, cho bà được ly hôn với ông Đoàn Văn C như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[2.2] Về con chung: Giữa bà N và ông C có 02 con chung là Đoàn Bảo T1, sinh ngày 15/02/2018 và Đoàn Văn Thiên P, sinh ngày 14/02/2015. Hiện các con chung đang ở với bà N tại 7 P, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Ly hôn, nguyện vọng của bà N là muốn được trực tiếp nuôi cả hai con, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000đ. Xét nguyện vọng của bà N là chính đáng, các con chung đang ở với bà N, nguyện vọng của các con chung đều mong muốn được ở với mẹ. Đồng thời ông C cũng thường xuyên đi công tác xa và không có tranh chấp gì về vấn đề con chung. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận giao các con chung Đoàn Văn Thiên P, Đoàn Bảo T1 cho bà Trần Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc chăm sóc con cái là quyền lợi đồng thời là nghĩa vụ của cha, mẹ. Bà Trần Thị Hồng N đề nghị được trực tiếp nuôi các con chung, do đó cần buộc ông Đoàn Văn C – người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ sao kê tài khoản Ngân hàng thể hiện đều đặn hàng tháng ông Đoàn Văn C chuyển cho bà Trần Thị Hồng N số tiền 12.000.000đ. Tại phiên tòa bà N khẳng định đây là tiền ông C1 gửi để nuôi các con chung. Do đó mức đề nghị cấp dưỡng hàng tháng của bà N là 10.000.000đ là có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Về thời điểm bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: Để đảm bảo nguyên tắc kịp thời đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong việc nuôi con, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ấn định buộc ông Đoàn Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm – 01/4/2025.

[2.5] Về tài sản chung: Nguyên đơn trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.6] Về nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn được thực hiện theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng N đối với ông Đoàn Văn C về việc ly hôn và nuôi con chung.

*** Xử:**

1/ Về hôn nhân: Bà Trần Thị Hồng N được ly hôn với ông Đoàn Văn C

2/ Về con chung: Giao các con chung Đoàn Bảo T1, sinh ngày 15/02/2018 và Đoàn Văn Thiên P, sinh ngày 14/02/2015 cho bà Trần Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đoàn Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000đ (5.000.000đ/cháu/tháng) cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ ngày 01/4/2025.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu cấp dưỡng có đơn yêu cầu cấp dưỡng, nếu người có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng. Lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích con chung các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Nguyên đơn trình bày không có nên không xem xét.

4/ Về nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

5/ Về án phí: Bà Trần Thị Hồng N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003521 ngày 13/11/2024 tại Chi

cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng (*Bà N đã nộp đủ án phí*). Ông Đoàn Văn C phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng.

6/ Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Dương sự;
- Chi cục THA DS quận NHS;
- UBND P. Khuê Mỹ;
- (Đk ngày 12/5/2024)
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Công Quốc